BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUY HOẠCH VÙNG VÀ ĐÔ THỊ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94033: QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
(URBAN ENVIRONMENTAL MANAGEMENT)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 8
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 3 (Lý thuyết 3 – Thực hành 0)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
  + Học lý thuyết trên lớp: 30 tiết
  + Thuyết trình và thảo luận (seminar) trên lớp: 15 tiết
- Giờ tự học: 105 tiết
- Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Công nghệ Môi trường
  - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương □		Cơ sở ngành □		Chuyên sâu ☒	
Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc ☒	Tự chọn □

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh □ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

**** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:***

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	**Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**	**Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT**
Kiến thức chung		
CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	P
Kiến thức chuyên môn		
CĐR3: Phân tích công tác Quy hoạch vùng và đô thị để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	P

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT
CĐR4: Đề xuất giải pháp quản lý, quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.2. Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	R
Kỹ năng chuyên môn		
CĐR6: Sử dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nghiệp vụ hành chính để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.	6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.	R
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR8: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	R

* ***Mục tiêu***: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên Đánh giá và phân tích các vấn đề liên quan về quản lí, môi trường và đô thị, Vận dụng thuần thục pháp luật và công cụ trong công tác quản nhà nước, quản lý môi trường đô thị, Vận dụng kiến thức có hệ thống, tư duy, tích cực trong công tác Quản lý môi trường đô thị. Đồng thời có khả năng làm việc độc lập giao tiếp hiệu quả bằng văn bản, lời nói. Có trách nhiệm trong quá trình học tập, nghề nghiệp; thể hiện tinh thần cầu tiến trong học tập.

* ***Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
Kiến thức		
K1	**Áp dụng** được kiến thức liên quan đến cơ sở khoa học, nguyên tắc và nội dung của hoạt động quản lý môi trường trong quy hoạch vùng và đô thị.	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực Quy hoạch vùng và đô thị.
K2	**Phân tích** được các Công cụ quản lý môi trường đang được áp dụng; Tầm nhìn và chiến lược quản lý môi trường đô thị.	3.2. Phân tích công tác quản lý quy hoạch vùng và đô thị phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.
Kỹ năng		
K3	**Phân tích** các giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.	4.2. Đề xuất giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần *Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được*	Chỉ báo chuẩn đầu ra của CTĐT
K4	Có khả năng tư duy, tìm kiếm và vận dụng quy định pháp luật vào công tác Quy hoạch vùng và Đô thị; Sử dụng các công cụ hành chính cho công tác quản lý môi trường đô thị	6.2. Sử dụng hiệu quả các nghiệp vụ hành chính trong công tác quản lý, quy hoạch vùng và đô thị.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K5	Thể hiện tinh thần cầu tiến, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm và học tập nâng cao trình độ. Thái độ tôn trọng và cầu thị trong giao tiếp, tranh luận vấn đề, có tư duy độc lập và phản biện.	8.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94033 – Quản lý môi trường đô thị (urban environmental management). (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lí thuyết 3 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số giờ tự học 105 tiết).

Mô tả vắn tắt nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về thành phần và chức năng của môi trường đô thị, các cơ sở khoa học, tiêu chuẩn và công cụ trong quản lý môi trường. Những kiến thức tổng hợp về mối liên hệ giữa môi trường tự nhiên và môi trường xã hội trong đô thị. Ứng dụng các kiến thức và kỹ năng cơ bản để quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng và thảo luận: GV sử dụng các phương tiện truyền đạt (bảng viết, đèn chiếu, hệ thống âm thanh,...) để trình bày nội dung bài giảng. SV tiếp thu bài giảng trên cơ sở làm việc cá nhân.
- Hướng dẫn sinh viên tự học
- Làm việc nhóm, giải quyết tình huống.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp
- Nghe giảng trên lớp
- Sinh viên tham gia thảo luận nhóm, làm báo cáo và thuyết trình các nội dung được giao.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đảm bảo 75% số tiết trên lớp
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên đọc; tổng hợp các tài liệu do giảng viên cung cấp thông qua hệ thống E – learing, thực hiện trao đổi nhóm có sự hướng dẫn của người dạy.
- Thuyết trình và Thảo luận: Thực hiện thuyết trình và thảo luận theo nhóm tại lớp học; xây dựng bài tiểu luận theo yêu cầu của giảng viên
- Thi cuối kì: theo quy định của Học viện.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các hoạt động đánh giá nhân với trọng số tương ứng

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Rubric đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/ Tuần học
Rubric 1. Tham dự lớp	K1, K2, K3,	10	1-10
Rubric 2. Thuyết trình, thảo luận	K2, K3, K4 K5	30	8-10
Rubric 3. Thi cuối kỳ	K1, K2, K3	60	Theo lịch HV

Bảng 2. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

(Chỉ dùng cho hình thức đánh giá trắc nghiệm/tự luận/ vấn đáp)

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1	Chỉ báo 1. Nắm được các được kiến thức liên quan đến cơ sở khoa học, nguyên tắc và nội dung của hoạt động quản lý môi trường trong quy hoạch vùng và đô thị.
K2	Chỉ báo 2. Phân tích được các Công cụ quản lý môi trường đang được áp dụng; Tầm nhìn và chiến lược quản lý môi trường đô thị.
K3	Chỉ báo 3. Phân tích các giải pháp quản lý quy hoạch vùng và đô thị đáp ứng các yêu cầu về phát triển bền vững của Việt Nam và toàn cầu.

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Thời gian tham dự	50	Đủ: 100%; Vắng mỗi buổi học trừ 10%; Vắng quá 25% cấm thi; Đi chậm từ 0-15 phút trừ 5% điểm.			

Rubric 2. Thảo luận nhóm và thuyết trình

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Kỹ năng trình bày	20	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Nộp bài tập chậm: Tất cả các trường hợp nộp bài tập chậm không được tính điểm

Tham dự các bài thi: Không tham gia làm thảo luận nhóm và thuyết trình, không có bài tiểu luận chuyên đề không đủ điều kiện dự thi hết môn

Yêu cầu về đạo đức: Không có hành vi gian lận, sao chép trong làm tiểu luận và dự thi

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

**** Sách giáo trình/Bài giảng:***

- Võ Hữu Công, Hồ Thị Thuý Hằng, Phạm Châu Thuỳ, Nguyễn Ngọc Tú (2022). Giáo trình Kỹ thuật xử lý khí thải và chất thải rắn, NXB Học viện Nông nghiệp.
- Phạm Châu Thuỳ, Nguyễn Ngọc Tú, Hồ Thị Thuý Hằng, Lý Thị Thu Hà, Võ Hữu Công (2021). Giáo trình Công nghệ môi trường, NXB Học viện Nông nghiệp.

**** Tài liệu tham khảo khác:***

- Nong Huu Duong, Ngo The An, Vo Huu Cong, Nguyen Xuan Tien (2024). Application of GIS to monitor the impact of urbanization on surface water quality in Kim Dong district, Hung Yen province, Vietnam. IOP Conf. Ser.: Earth Environ. Sci. 1345, 012004
- Phạm Đức Trọng, Nguyễn Đức Cảnh, Phạm Công Đạt, Hoàng Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Minh Hằng, Võ Hữu Công* (2023). Tiếp cận kinh tế tuần hoàn trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trường hợp nghiên cứu tại thành phố Lào Cai. TNU Journal of Science and Technology 228(11): 208 – 217. https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8166

- Hoàng Thị Huân, Phạm Thị Ngọc Anh, Trần Việt Hùng, Nguyễn Văn Nam, Võ Hữu Công (2020). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến phát sinh chất thải rắn sinh hoạt huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. TNU Journal of Science and Technology 225(11): 11 – 17. http://jst.tnu.edu.vn/jst/article/view/2935

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHT MĐ của học phần
1-2	**Chương 1. Tổng quan về môi trường đô thị**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(7 tiết)* 1.1. Thành phần của môi trường đô thị 1.2. Mục tiêu và nguyên tắc của Quản lý môi trường 1.3. Nội dung của quản lý môi trường đô thị 1.4. Các vấn đề môi trường trong quá trình phát triển ở Việt Nam 1.5. Cơ sở Khoa học của quản lý môi trường đô thị	Thuyết giảng	Chuyên cần và thi cuối kỳ	K1
	Nội dung semina/thảo luận/Project/ sử dụng hệ thống LMS: *(3tiết)* ***Nội dung thảo luận:*** Các vấn đề môi trường trong quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam	Thảo luận nhóm	Sự tham gia và chất lượng bài	
	Nội dung tự học: *(25 tiết)* - Đô thị hoá và hệ luỵ môi trường			
3-5	***Chương 2:* Công cụ quản lý môi trường của hệ thống quản lý môi trường**			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết (10 tiết) 2.1. Hệ thống quản lý nhà nước về môi trường 2.2. Công cụ pháp lý 2.3. Công cụ kinh tế 2.4. Công cụ quy hoạch đánh giá 2.5. Công cự kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm 2.6. Công cụ quan trắc, theo dõi và dự báo 2.7. Phương pháp quản lý tổng hợp	Thuyết giảng	Chuyên cần và thi cuối kỳ	K2
	Nội dung semina/thảo luận/Project/ sử dụng hệ thống LMS: *(5 tiết)* ***- Nội dung thảo luận:*** Các công cụ quản lý môi trường đô thị	Thảo luận nhóm	Sự tham gia và chất lượng bài	
	Nội dung tự học: *(30 tiết)* *- Các công cụ pháp lý, kinh tế, .. trong quản lý môi trường.*			
6-8	***Chương 3: Quản lý môi trường đô thị***			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(7 tiết)* 3.1. Hiện trạng quản lý môi trường đô thị 3.2. Biện pháp dài hạn trong quản lý môi trường đô th 3.3. Biện pháp ngắn hạn trong quản lý môi trường đô 3.4. Nguyên tắc trong quản lý môi trường đô thị	Thuyết giảng	Chuyên cần và thi cuối kỳ	K3

Tuần	Nội dung	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá	KQHT MĐ của học phần
	Nội dung semina/thảo luận/Project/ sử dụng hệ thống LMS: *(4 tiết)* ***- Nội dung thảo luận***: Thực trạng quản lý môi trường đô thị tại Việt Nam	Thảo luận nhóm	Sự tham gia và chất lượng bài	
	Nội dung tự học: *(25 tiết)* Hệ thống quản lý môi trường đô thị			
8-10	***Chương 4: Chiến lược quản lý môi trường đô thị***			
	Nội dung giảng dạy lý thuyết: *(6 tiết)* 4.1. Giáo dục môi trường 4.2. Truyền thông môi trường 4.3. Công ước quốc tế về bảo vệ môi trường 4.4. Chiến lược sản xuất sạch hơn 4.5. Năng lượng sạch	Thuyết giảng	Chuyên cần và thi cuối kỳ	K4
	Nội dung semina/thảo luận/Project/ sử dụng hệ thống LMS: *(3 tiết)* ***- Nội dung thảo luận***: Truyền thông môi trường và chiến lược quản lý môi trường theo hướng phát triển bền vững.	Thảo luận nhóm	Sự tham gia và chất lượng bài	
	Nội dung tự học: *(25 tiết)* - Giáo dục môi trường - Truyền thông môi trường			

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học: đáp ứng số lượng sinh viên/lớp
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng viết và Projector
- Các phương tiện khác: Giấy Ao, Phấn/Bút viết bảng
- Phòng thực hành: phần mềm máy tính
- E – learning

Hà Nội, ngày..15..tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG BỘ MÔN	**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**
TS. Trịnh Quang Huy	**PGS.TS. Võ Hữu Công**
KT.TRƯỞNG KHOA **PHÓ TRƯỞNG KHOA**	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC**
PGS. TS. Trần Quốc Vinh	**GS.TS. Phạm Văn Cường**

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Võ Hữu Công	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Phòng 301, khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0981954624
Email: vhcong@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Tú	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 301, khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại liên hệ: +84 24 6 2617694
Email: nguyenngoctu@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

Giảng viên hỗ trợ /trợ giảng (nếu có)

Họ và tên: Đào Thị Thuỳ Linh	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Phòng 301, khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0398992011
Email: http://tnmt.vnua.edu.vn/	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, văn phòng bộ môn	

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện)

Lần 1- (Tháng 11/2025): Xây dựng lần đầu cho ngành Quy hoạch vùng và đô thị